TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 9 – CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2026/HNGĐ-ST

Ngày 22/01/2026.

V/v: Tranh chấp ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 – CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Quách Văn Quy**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Trần Thanh Tuấn**

2. Ông **Danh Hưởng**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Lê Thị Nhã Trúc** - Thư ký Tòa án khu vực 9 – Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Yến Phi** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 9 – Cà Mau xét xử công khai vụ án thụ lý số: 287/2025/TLST-HNGĐ, ngày 05 tháng 11 năm 2025 về việc "*Tranh chấp ly hôn và nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 328/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 09 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

1. ***Nguyên đơn***: Anh **Trần Hoàng Đ**, sinh ngày 01/01/1984. Số CCCD, CMND: 095084008572; Cấp ngày 02/08/2024. Địa chỉ: Ấp TS, xã HD, tỉnh Cà Mau.

2. ***Bị đơn***: Chị **Trường Huyền M**, sinh ngày 27/05/1988. Số CCCD, CMND: 093188008904; Cấp ngày 09/08/2021. Địa chỉ: Ấp TS, xã HD, tỉnh Cà Mau.

(Anh Đ vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt; Chị M vắng mặt không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và tại bảng tự khai ngày 28/11/2025, nguyên đơn anh Trần Hoàng Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Đ và chị M có tổ chức đám cưới trên tinh thần tự nguyện, không ai ép buộc và có tiến hành đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân

dân xã Lộc Ninh, huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu vào ngày 12/04/2013. Trong thời gian đầu, vợ chồng anh chị chung sống với nhau hạnh phúc nhưng được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cự cải, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không có tiếng nói chung và hiện tại hai vợ chồng đã sống ly thân với nhau khoảng 01 năm nay. Nay anh nhận thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh yêu cầu được ly hôn với chị Trương Huyền Mai.

Về quan hệ con chung: Anh Đ xác định trong quá trình chung sống giữa anh và chị M có 02 người con chung là cháu Trần Hoàng H, sinh ngày 28/6/2010 và cháu Trần Huỳnh M, sinh ngày 27/6/2015. Hiện tại cháu Huynh và cháu My đang sống chung với anh Đ. Anh Đ yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi cháu Trần Hoàng H, sinh ngày 28/6/2010 và cháu Trần Huỳnh M, sinh ngày 27/6/2015 và anh Đ không yêu cầu cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh Đ xác định giữa anh và chị M không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Toà án giải quyết. Ngoài ra, anh Đ không có yêu cầu gì khác.

Đối với bị đơn chị Trương Huyền Mai: Tòa án có tiến hành giao thông báo thụ lý và tiến hành lấy lời khai đối với chị Trương Huyền Mai nhưng chị Trương Huyền Mai không có mặt ở địa phương nên không thể tiến hành giao thông báo thụ lý và không thể tiến hành lấy lời khai đối với chị Trương Huyền Mai. Bên cạnh đó, Tòa án có tiến hành niêm yết các thủ tục theo quy định pháp luật do chị Trương Huyền Mai không có mặt ở địa phương. Chính quyền địa phương cũng xác định, chị Trương Huyền Mai vẫn còn đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp TS, xã HD, tỉnh Cà Mau và hiện tại không có ở địa phương nhưng lâu lâu chị Trương Huyền Mai có về địa phương một lần.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định pháp luật.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Từ khi tham gia tố tụng cho đến nay, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Hoàng Đ được ly hôn chị Trương Huyền Mai;

2. Về quan hệ con chung: Tiếp tục giao cháu Trần Hoàng H, sinh ngày 28/6/2010 và cháu Trần Huỳnh M, sinh ngày 27/6/2015 cho anh Trần Hoàng Đ chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Trường Huyền M không phải cấp dưỡng

nuôi con chung nhưng chị có quyền và nghĩa vụ tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở;

3. Về quan hệ tài sản, nợ chung: Anh Đ không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Ngoài ra đương sự còn phải chịu tiền án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật: Anh Trần Hoàng Đ khởi kiện yêu cầu được ly hôn với chị Trương Huyền Mai và yêu cầu giải quyết về con chung nên căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án thụ lý giải quyết vụ án về "Tranh chấp ly hôn và nuôi con" là đúng quy định.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn chị Trương Huyền Mai có nơi đăng ký thường trú tại ấp TS, xã HD, tỉnh Cà Mau nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc Hội về sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án thì Tòa án nhân dân khu vực 9 – Cà Mau thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[3] Nguyên đơn anh Trần Hoàng Đ tuy rằng vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn yêu cầu được xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt đối với anh Trần Hoàng Đ. Bị đơn chị Trương Huyền Mai vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b, khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với chị M.

Về nội dung:

[4] Về quan hệ hôn nhân: Anh Đ và chị M có tổ chức cưới nhau trên tinh thần tự nguyện, không ai ép buộc và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Lộc Ninh, huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu vào ngày 12/4/2013 nên quan hệ hôn nhân giữa anh Đ và chị M là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Trong quá trình chung sống đến nay, anh Đ xác định giữa anh và chị M có phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cự cải, bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Hiện tại hai vợ chồng đã sống ly thân với nhau khoảng 01 năm nay. Nay anh Đ nhận thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh yêu cầu được ly hôn với chị M. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án có tiến hành xác minh được biết anh Đ và chị M đã không còn sống chung với nhau khoảng 01 năm nay. Vì vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cho anh Trần Hoàng Đ được ly hôn chị Trương Huyền Mai.

[5] Về quan hệ con chung: Quá trình chung sống anh Đ xác định giữa anh và chị M có 02 người con chung là cháu Trần Hoàng H, sinh ngày 28/6/2010 và cháu Trần Huỳnh M, sinh ngày 27/6/2015, hiện tại cháu Huynh và cháu My đang sống chung với anh Đ. Anh Đ yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu Trần Hoàng H, sinh ngày 28/6/2010 và cháu Trần Huỳnh M, sinh ngày 27/6/2015 và anh không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy cháu Trần Hoàng H, sinh ngày 28/6/2010 và cháu Trần Huỳnh M, sinh ngày 27/6/2015 hiện đang sống với anh Đ, các cháu đã có môi trường và cuộc sống ổn định. Bên cạnh đó, cháu Huynh và cháu My cũng có nguyện vọng được theo sống chung với anh Đ. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiếp tục giao cháu Trần Hoàng H, sinh ngày 28/6/2010 và cháu Trần Huỳnh M, sinh ngày 27/6/2015 cho anh Trần Hoàng Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Anh Đ không yêu cầu cấp dưỡng cho con nên không xem xét, giải quyết. Chị M có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

[6] Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì anh Đ phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng.

[8] Về ý kiến phát biểu việc giải quyết vụ án của Kiểm sát viên: Hội đồng xét xử xét thấy việc đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ và được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc Hội về sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

Áp dụng Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng Nghị quyết số: 01/2024/NQ-HĐTP, ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cáo về việc hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân gia đình.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Trần Hoàng Đ.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Hoàng Đ được ly hôn chị Trương Huyền Mai.

2/ Về con chung: Tiếp tục giao cháu Trần Hoàng H, sinh ngày 28/6/2010 và cháu Trần Huỳnh M, sinh ngày 27/6/2015 cho anh Trần Hoàng Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Trương Huyền Mai không phải cấp dưỡng nuôi con chung nhưng chị có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

3/ Về tài sản chung, nợ chung: Anh Trần Hoàng Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

4/ Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh Trần Hoàng Đ phải nộp số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng anh Đ đã dự nộp số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí theo biên lai thu số: 0003883, ngày 04/11/2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau nay chuyển thu án phí.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND Khu vực 9 – Cà Mau;
- Thi hành án Dân sự tỉnh Cà Mau;
- UBND xã Hồng Dân, tỉnh Cà Mau;
- Đương sự.
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Quách Văn Quy